

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HÀ N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/DS-ST
Ngày: 23/11/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Hà và ông Quách Xuân Luyện.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST-DS ngày 06/7/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 29/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đặng Thị C - sinh năm 1985; địa chỉ: tổ dân phố ĐN, thị trấn TT, huyện TL, tỉnh Hà N; có mặt.

2. Bị đơn: chị Đỗ Thị T - sinh năm 1983; địa chỉ: tổ dân phố Non, thị trấn TT, huyện TL, tỉnh Hà N; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn N - sinh năm 1981, địa chỉ: tổ dân phố Non, thị trấn TT, huyện TL, tỉnh Hà N; vắng mặt lần thứ hai không có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021, nguyên đơn - chị Đặng Thị C trình bày:*

Chị và và chị Đỗ Thị T là người cùng làng, quen thân, từ trước tới nay không có mâu thuẫn gì. Năm 2018, chị cho chị T vay 03 lần với tổng số tiền là 150.000.000 đồng, cụ thể như sau: ngày 24/3/2018, chị T vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 04/8/2018, chị T vay số tiền 50.000.000 đồng và đến ngày 20/8/2018, chị T vay số tiền là 50.000.000 đồng. Trong các lần vay và giao nhận

tiền chỉ có chị và chị T biết với nhau, không có ai chứng kiến và biết việc này. Mỗi lần vay, nhận tiền, chị T đều viết giấy vay tiền và ký nhận đưa cho chị giữ. Thời hạn vay hai bên thỏa thuận miệng là khoảng 10 ngày sau trả của kỳ vay sau cùng, không có lãi suất. Ngày 01/9/2018, chị đã yêu cầu chị T trả nợ cho chị toàn bộ số tiền đã vay, thì chị T không trả và rất nhiều lần khác yêu cầu chị T trả nợ, nhưng chị T không thực hiện. Vì quá bức xúc nên chị đã nhờ anh Hoàng Văn Dũng đòi nợ số tiền 150.000.000 đồng trên của chị T, việc anh Dũng đòi nợ thế nào thì chị không biết. Trong quá trình đòi nợ, chị T có trả cho anh Dũng số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, do anh Dũng đã có hành vi xử sự vượt quá, nên đã gây thương tích cho chị T và đã bị kết án phạt tù. Đối với khoản tiền 30.000.000 đồng này, chị xác định anh Dũng đã nhận của chị T rồi, nên chị cũng không yêu cầu chị T phải trả khoản này nữa mà đối trừ vào khoản nợ gốc. Chị không yêu cầu Tòa án đưa anh Dũng vào tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; trường hợp nếu có phát sinh tranh chấp, chị sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Đến nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Đỗ Thị T phải trả cho chị nợ gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/3/2021 ($120.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ tháng} \times 6,5\%/\text{năm} = 19.500.000 \text{ đồng}$), tổng là 139.500.000 đồng và lãi phát sinh tính kể từ ngày 02/3/2021 cho đến khi trả xong khoản nợ.

** Tại Đơn tố cáo (không ghi ngày, tháng, năm làm đơn), bị đơn - chị Đỗ Thị T trình bày:*

Chị có làm ăn, vay nợ lãi của vợ chồng nhà anh chị C Hiệp, lần đầu là 50.000.000 đồng, lần hai là 50.000.000 đồng, lần ba là 50.000.000 đồng; tổng 03 lần chị vay là 150.000.000 đồng. Lần đầu chị vay 50.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng, hai lần sau chị vay 100.000.000 đồng với lãi suất là 3.000.000 đồng/ngày và hàng tháng chị có nộp 9.000.000 đồng/tháng. Chị C yêu cầu cứ 15 ngày trả lãi một lần, từ khi vay, tháng nào chị cũng trả lãi như hai bên đã thỏa thuận. Đến lúc làm ăn thua lỗ, chị có nói với chị C xin không trả lãi và chị có trách nhiệm trả dần số tiền gốc, nhưng chị C không đồng ý; nên chị vẫn phải trả số tiền lãi chậm hơn. Được khoảng 02 tháng, chị không có khả năng trả nữa, thì anh chị C Hiệp sang chửi. Sau khoảng 02 tháng chị không trả lãi được, thì chị C thuê ba người lạ mặt đến nhà chị đòi nợ, quấy rối. Vài ngày sau, chị C thuê anh Dũng đến nhà chị tiếp tục đòi tiền và chị đã trả hai lần là 20.200.000 đồng, đến ngày 20 tháng 12 chị trả cho anh Dũng tiếp 10.000.000 đồng; tổng số tiền chị đã trả 03 lần cho anh Dũng là 30.000.000 đồng. Chị tố cáo anh chị C Hiệp vi phạm pháp luật hình sự và đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TL đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là chị Đỗ Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn N biết; đồng thời nhiều lần triệu tập, thông báo cho chị T, anh N đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nhưng chị T và

anh N đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể yêu cầu chị T, anh N làm bản tự khai hoặc tiến hành lấy lời khai đối với chị T, anh N và không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn là chị Đặng Thị C giữ nguyên yêu cầu về việc buộc bị đơn là chị Đỗ Thị T phải trả số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng, thay đổi về cách tính lãi như sau: thời điểm bắt đầu tính lãi là ngày 02/10/2018. Do không xác định được chính xác ngày chị T trả số nợ gốc 30.000.000 đồng (vì chị T trả số nợ này thông qua anh Hoàng Văn Dũng trong tháng 12 năm 2019), nên chị xác định chị T trả số tiền này vào ngày 01/12/2019. Vì vậy, nay sẽ tính tiền lãi của số tiền 150.000.000 đồng từ ngày 02/10/2018 đến ngày 01/12/2019 là 11.379.542 đồng, tiền lãi của số tiền 120.000.000 đồng từ ngày 02/12/2019 đến ngày 23/11/2021 là 15.450.411 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi chị yêu cầu chị T phải trả là 146.829.953 đồng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 465, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - đề nghị Hội đồng xét xử: xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị C. Buộc chị Đỗ Thị T phải trả số tiền gốc là 120.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật cho chị Đặng Thị C. Về án phí, chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào nội dung Đơn khởi kiện của chị Đặng Thị C có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị Đỗ Thị T hiện đang cư trú tại tổ dân phố Non, thị trấn TT, huyện TL, tỉnh Hà N. Căn cứ quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về tư cách người tham gia tố tụng đối với anh Hoàng Văn Dũng: anh Dũng có liên quan đến việc nhận khoản tiền 30.000.000 đồng mà chị Đỗ Thị T trả cho chị Đặng Thị C. Tuy nhiên, khoản tiền này chị C thừa nhận chị T đã trả, phù hợp với nội dung chị T trình bày trong Đơn tố cáo gửi Tòa án và bản án đã xét xử đối với anh Dũng. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị T đã đòi trừ khoản tiền này và không yêu cầu Tòa án đưa anh Dũng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; trường hợp có phát sinh tranh chấp với anh Dũng, chị sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Do đó, Tòa án không đưa anh Hoàng Văn Dũng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với Đơn tố cáo của chị Đỗ Thị T đề nghị xử lý đối với chị Đặng Thị C về hành vi cho vay lãi nặng và hành hung gia đình chị: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2020/HSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà N xét xử đối với bị cáo Hoàng Văn Dũng về tội “Cố ý gây thương tích” đã xác định “Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã đấu tranh, nhưng chị C chỉ thừa nhận việc cho chị T vay số tiền 150.000.000 đồng, không thừa nhận việc thỏa thuận lãi suất như chị T đã trình bày. Ngoài lời khai của chị T không còn tài liệu nào khác để chứng minh, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL không có căn cứ để xử lý hình sự đối với chị C về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do nội dung tố cáo của chị T đã được giải quyết trong vụ án hình sự nêu trên, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Đặng Thị C, thấy rằng: trong năm 2018, chị Đỗ Thị T có vay tiền của chị Đặng Thị C 03 lần với mỗi lần vay là 50.000.000 đồng. Việc vay và nhận tiền được thể hiện bằng việc chị T viết giấy vay nợ và chị T cũng thừa nhận trong nội dung Đơn tố cáo mà chị gửi Tòa án nhân dân huyện TL. Mặt khác, việc vay nợ này cũng được thể hiện tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2020/HSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện TL xét xử đối với Hoàng Văn Dũng về tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định chị Đỗ Thị T đã vay của chị Đặng Thị C tổng số tiền là 150.000.000 đồng, chị T đã trả được 30.000.000 đồng, hiện còn nợ chị C 120.000.000 đồng. Việc chị C khởi kiện yêu cầu chị T phải trả cho chị số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về kỳ hạn vay: chị C xác định khi vay các bên chỉ ghi số tiền vay, không ghi thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận ngoài về thời gian trả nợ là khoảng 10

ngày sau kỳ vay cuối cùng. Tuy nhiên, do chị T không đến Tòa án trình bày, nên không có cơ sở để xác định có việc thỏa thuận trên hay không. Mặt khác, trong Giấy vay nợ ngày 08/02/2018 (Âm lịch) thì chị T có ghi: “khi nào anh chị cần báo trước tôi một tháng, tôi sẽ lo hoàn toàn chịu trách nhiệm”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn.

Về lãi suất: trong Đơn tố cáo mà chị Đỗ Thị T gửi đến Tòa án, chị trình bày vay số tiền 50.000.000 đồng lần đầu với lãi suất là 2%/tháng, hai lần sau là 100.000.000 đồng với lãi suất 3.000.000 đồng/ngày và chị nộp 9.000.000 đồng/tháng. Trong Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2020/HSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện TL thì lại xác định “trong quá trình điều tra, chị T khai nhận vay của chị Đặng Thị C với tổng số tiền là 150.000.000 đồng; trong đó lần 01 vay 50.000.000 đồng với lãi suất 1.000.000 đồng/50.000.000 đồng/1 tháng, lần 02 vay 50.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, lần 03 vay 50.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, hai bên thỏa thuận bằng miệng, không có giấy tờ”. Như vậy, việc khai nhận như trên của chị T là không logic và không thống nhất; nên không có cơ sở để chấp nhận. Mặt khác, theo các Giấy vay nợ mà chị T viết thì không thể hiện việc tính lãi các khoản vay này, bản thân chị C cũng xác định là các khoản vay này không thỏa thuận về lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay này không có lãi.

Theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì: “hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Như vậy, theo quy định trên thì bên vay (chị T) phải trả tiền lãi trên số nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất là 10%/năm. Tuy nhiên, chị C yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 6,5%/năm; đây là sự tự nguyện của chị C và phù hợp với quy định của pháp luật; nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời điểm tính lãi: khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự quy định: “đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Mặt khác, trong Giấy vay nợ ngày 08/02/2018 (Âm lịch) thì chị T có ghi: “khi nào anh chị cần báo trước tôi một tháng, tôi sẽ lo hoàn toàn chịu trách nhiệm”. Do đó, chị C yêu cầu tính lãi từ ngày 02/10/2018 (sau 01 tháng, kể từ ngày chị C báo cho chị T) là phù hợp với quy định của pháp luật; nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, lãi suất được tính cụ thể như sau: $150.000.000 \text{ đồng} \times 6,5\% \times \text{thời gian chậm trả (từ ngày 02/10/2018 đến ngày 01/12/2019)} = 426 \text{ ngày}/365 = 11.379.542 \text{ đồng}$; $120.000.000 \text{ đồng} \times 6,5\% \times \text{thời gian chậm trả (từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử 23/11/2021)} = 723 \text{ ngày}/365 = 15.450.411 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi quá hạn bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 146.829.953 đồng.

[3] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 146.829.953 đồng $\times 5\% = 7.341.497 \text{ đồng}$, làm tròn là 7.341.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 357, 463, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 144, 147, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị C.

2. Buộc chị Đỗ Thị T phải trả cho chị Đặng Thị C số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 23/11/2021 là 26.829.953 đồng, tổng là 146.829.953 đồng, làm tròn thành 146.830.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Đỗ Thị T phải nộp 7.341.000 đồng (bảy triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Trả lại cho chị Đặng Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.487.000 đồng (ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005013 ngày 06/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL, tỉnh Hà N.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà N;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND thị trấn TT, huyện TL, tỉnh Hà N;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lại Xuân Cảnh